



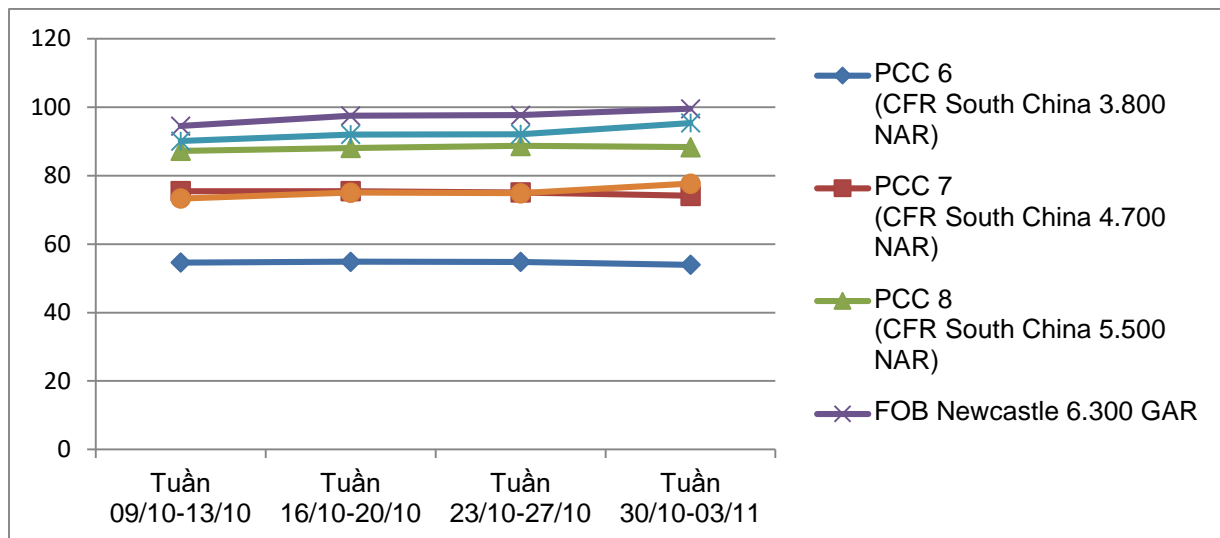
BẢN TIN THAN TUẦN 1 - THÁNG 11
(Từ 30/10 – 03/11/2017)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

| Chỉ số giá | Tuần 09/10-13/10 | Tuần 16/10-20/10 | Tuần 23/10-27/10 | Tuần 30/10-03/11 |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR) | 54,60 | 54,83 | 54,77 | 53,93 |
| PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR) | 75,45 | 75,44 | 75,06 | 74,09 |
| PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR) | 87,25 | 88,07 | 88,67 | 88,32 |
| FOB Newcastle 6,300 GAR | 94,46 | 97,47 | 97,63 | 99,54 |
| CIF ARA 6,000 NAR | 90,10 | 92,01 | 92,1 | 95,34 |
| FOB Richards Bay 5,500 NAR | 73,31 | 75,03 | 74,84 | 77,65 |
| NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR) | 94,85 | 98,13 | 97,46 | 99,11 |



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 11 (2017)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

| | Cước vận tải tuần 2 tháng 10 | 30/10 | 31/10 | 01/11 | 02/11 | 03/11 |
|-----------------------------------|------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tàu Capesize (150,000 tấn) | | | | | | |
| 1 | Úc – Trung Quốc | 9,50 | 9,60 | 9,45 | 9,30 | 9,15 |
| 2 | Queensland – Nhật Bản | 11,00 | 11,10 | 11,00 | 11,05 | 10,90 |
| 3 | New South Wales – Hàn Quốc | 11,35 | 11,45 | 11,35 | 11,40 | 11,25 |
| Tàu Panamax (70,000 tấn) | | | | | | |
| 1 | Richards Bay - Tây Ấn Độ | 12,80 | 12,80 | 12,80 | 12,80 | 12,70 |
| 2 | Kalimantan - Tây Ấn Độ | 9,40 | 9,30 | 9,30 | 9,00 | 9,00 |
| 3 | Richards Bay - Đông Ấn Độ | 13,30 | 13,30 | 13,20 | 13,00 | 12,90 |
| 4 | Kalimantan - Đông Ấn Độ | 8,15 | 8,05 | 8,00 | 7,60 | 7,60 |
| 5 | Úc - Trung Quốc | 12,40 | 12,30 | 12,30 | 12,30 | 12,30 |
| 6 | Úc - Ấn Độ | 14,10 | 14,00 | 14,00 | 14,00 | 14,00 |

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Sản lượng than xuất khẩu trong tháng 10 của Bắc Queensland xuống thấp

Theo số liệu thống kê của North Queensland Bulk Ports Corporation - NQBP, lượng than nhiệt và luyện kim xuất khẩu trong tháng 10 từ khu vực Bắc Queensland đã trượt xuống mức thấp nhất trong vòng 5 tháng qua. Nguyên nhân do sản lượng than xuất khẩu của BHP Mitsubishi Alliance (BMA) đã giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tổng cộng 11,9 triệu tấn than đã được xuất đi từ khu vực này, tăng 4% so với năm trước nhưng giảm 11% so với tháng 9, tháng thấp nhất kể từ tháng 5 khi xuất khẩu than đạt 10,16 triệu tấn.

Tại Bắc Queensland, than được xuất khẩu từ các cảng Hay Point – HPCT (thuộc sở hữu của BMA), Dalrymple Bay – DBCT và Abbot Point - APCT. Trong tháng 10, cảng Hay Point đã xuất khẩu được 2,95 triệu tấn than, giảm 19% so với cùng kì năm ngoái và 33% so với tháng trước. Ngoại trừ thời điểm tháng 4 năm nay, khi khối lượng than xuất khẩu từ HPCT xuống thấp kỷ lục 759.000 tấn do ảnh hưởng nặng nề của cơn bão Debbie thì tháng 10 là tháng xuất khẩu than thấp nhất kể từ tháng 9/2013. Nếu tính trung bình cả năm dựa trên công suất hoạt động trong tháng 10, HPCT chỉ đạt 34,77 triệu tấn/năm, thấp hơn nhiều so với công suất thiết kế là 55 triệu tấn/năm. Tính trung bình trong 10 tháng đầu năm, cảng đạt công suất 42,65 triệu tấn/năm.

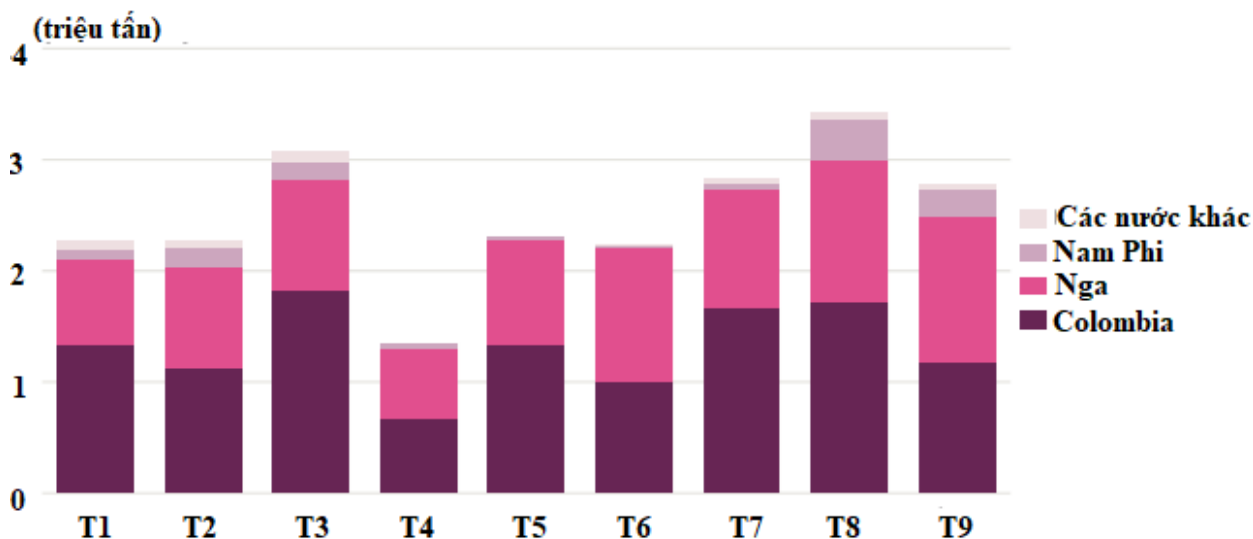
Ngược lại với tình hình ở HPCT, lượng than xuất khẩu từ cảng DBCT đã tăng mạnh trong tháng 10, đạt 6,64 triệu tấn - tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái, tăng nhẹ từ 6,62 triệu tấn trong tháng 9 và tính từ đầu năm nay chỉ thấp hơn mức cao nhất 6,95 triệu tấn trong tháng 8. Trong 3 tháng qua, cảng DBCT đã hoạt động tương đương với công suất trên 85 triệu tấn/năm, trong khi mức trung bình năm là 80,2 triệu tấn/năm. Tuy nhiên, tính từ tháng 1 đến tháng 10, công suất trung bình chỉ ở mức 64,75 triệu tấn/năm do ảnh hưởng từ trận bão Debbie hồi đầu năm.

Trong khi đó, xuất khẩu than từ cảng Abbot Point, cảng xa nhất về phía Bắc, ổn định trong tháng 10 với 2,3 triệu tấn, tăng 1% so với năm ngoái, nhưng giảm 3% so với tháng trước. Tính trong 10 tháng đầu năm, APCT đã xuất khẩu được 25,26 triệu tấn than, chỉ bằng một nửa mức công suất mặc định là 50 triệu tấn/năm.

Thổ Nhĩ Kỳ nhập khẩu 2,78 triệu tấn than nhiệt trong tháng 9

Theo dữ liệu của Bộ Ngoại thương Thổ Nhĩ Kỳ, nước này đã nhập khẩu 2,78 triệu tấn than nhiệt vào tháng 9, tăng 10,8% so với năm ngoái nhưng giảm 18,9% so với mức kỷ lục của tháng 8.

Nhập khẩu than của Thổ Nhĩ Kỳ



(Nguồn: Bộ Ngoại thương Thổ Nhĩ Kỳ)

Nga là nước cung cấp than chính cho Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng 9 với 1,32 triệu tấn, tăng 4% so với tháng trước và tăng 62% so với năm 2016. Sau 3 tháng kể từ tháng 6, Nga lại xuất khẩu nhiều than sang Thổ Nhĩ Kỳ hơn Colombia và là mức lớn nhất kể từ tháng 11 năm ngoái khi nhập khẩu đạt 1,45 triệu tấn. Colombia xuất khẩu 1,17 triệu tấn than sang Thổ Nhĩ Kỳ trong tháng 9, giảm 32% so với tháng trước và 18% so với năm ngoái. Nhập khẩu từ Nam Phi là 241.935 tấn, giảm 36% so với mức cao nhất của tháng 8 là 380.219 tấn, nhưng tăng hơn 2 lần so với năm trước. Nhập khẩu từ Iran là 48.635 tấn, mức cao nhất kể từ năm 2013.

Whitehaven mua lại 30% cổ phần của mỏ Tarrawonga

Công ty khai thác mỏ của Australia – Whitehaven đã đồng ý mua lại 30% cổ phần của Idemitsu trong mỏ than Tarrawonga ở New South Wales, qua đó giành quyền sở hữu mỏ 100%. Theo ông Paul Flynn – giám đốc điều hành của Whitehaven :”Việc mua lại cổ phần trong mỏ Tarrawonga sẽ nâng cao sản lượng than khai thác và thương phẩm của Whitehaven cho loại than chất lượng cao từ Gunnedah Basin,”. Tarrawonga đã được lên kế hoạch sản xuất 2,2 triệu tấn than khai thác lộ thiên - ROM (run-of-mine) và 2 triệu tấn than thương phẩm (saleable coal) trong năm tài chính 2017-2018 (bắt đầu từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2018). Trong đó than luyện kim chiếm 50%, cân bằng với sản lượng than nhiệt chất lượng cao. Thời gian khai thác còn lại của mỏ Tarrawonga là trên 18 năm, dựa trên trữ lượng hiện tại được xác định là khoảng 41 triệu tấn. Whitehaven và Idemitsu chưa công bố giá trị giao dịch cho thương vụ mua bán này.

(Nguồn: Platts)